

ĐỀ THI GIỮA HỌC KỲ 1
ĐỀ 11

TOÁN

Thầy giáo: Nguyễn Quốc Tùng

6

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
MÔN : TOÁN LỚP 6
ĐỀ 11

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời mà em cho là đúng nhất.

- Câu 1:** Tập hợp P các số tự nhiên lớn hơn 6 có thể viết là.
A. $P = \{x \in \mathbb{N} \mid x < 7\}$. B. $P = \{x \in \mathbb{N} \mid x \leq 7\}$.
C. $P = \{x \in \mathbb{N} \mid x > 7\}$. D. $P = \{x \in \mathbb{N} \mid x \geq 7\}$.
- Câu 2:** Chữ số 5 trong số 2358 có giá trị là.
A. 5000. B. 500. C. 50. D. 5.
- Câu 3:** Chỉ ra cặp số tự nhiên liên trước và liên sau của số 99.
A. (97; 98). B. (98; 100). C. (100; 101). D. (97; 101).
- Câu 4:** Cho tập $A = \{2; 3; 4; 5\}$. Phần tử nào sau đây thuộc tập. A.
A. 1. B. 3. C. 7. D. 8.
- Câu 5:** Tổng $15 + 30$ chia hết cho số nào sau đây:
A. 2 và 3. B. 2 và 5. C. 3 và 5. D. 2; 3 và 5.
- Câu 6:** Cho $18 \leq x$ và $7 \leq x < 18$. Thì x có giá trị là:
A. 2. B. 3. C. 6. D. 9.
- Câu 7:** Trong các số tự nhiên sau số nào là số nguyên tố
A. 16.
B. 27.
C. 2.
D. 35.
- Câu 8:** ƯCLN (3, 4) là:
A. 1. B. 3. C. 4. D. 12.
- Câu 9:** Kết quả phép tính $13 - 5 + 3$ là:
A. 11. B. 12. C. 8. D. 10.
- Câu 10:** Kết quả phép tính $18 : 3^2 \cdot 2$ là:
A. 18. B. 4. C. 1. D. 12.
- Câu 11:** Kết quả phép tính $2^4 \cdot 2$ là:
A. 2^4 . B. 2^3 . C. 2^6 . D. 2^5 .
- Câu 12:** Số 75 được phân tích ra thừa số nguyên tố là:
A. 2. 3. 5. B. 3. 5. 7. C. $3 \cdot 5^2$. D. $3^2 \cdot 5$.
- Câu 13:** Cho $x \in \{5, 16, 25, 135\}$ sao cho tổng $20 + 35 + x$ không chia hết cho 5. Thì x là:
A. 5. B. 16. C. 25. D. 135.
- Câu 14:** BCNN của $2 \cdot 3^3$ và $3 \cdot 5$ là:
A. $2 \cdot 3^3 \cdot 5$. B. 2. 3. 5. C. $3 \cdot 3^3$. D. 3^3 .
- Câu 15:** Trong tam giác đều mỗi góc có số đo bằng:
A. 60° . B. 45° . C. 90° . D. 30° .
- Câu 16:** Trong hình vuông có:

Tài liệu toán lớp 6

A. Hai cạnh đối bằng nhau.

B. Hai đường chéo bằng nhau.

C. Bốn cạnh bằng nhau. **D.** Hai đường chéo vuông góc.

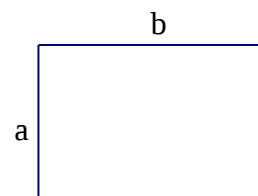
Câu 17: MHH Cho H.1. Công thức tính chu vi của hình chữ nhật là:

A. $C = 4a$.

B. $C = \frac{1}{2}(a + b)$.

C. $C = \frac{1}{2}ab$.

D. $2(a + b)$



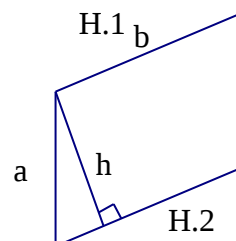
Câu 18: MHH Cho H.2. Công thức tính diện tích của hình bình hành là:

A. $S = ab$.

B. $S = \frac{1}{2}ah$.

C. $S = \frac{1}{2}bh$.

D. $S = ah$.



Câu 19: Cho hình thoi, biết độ dài hai đường chéo là 2cm và 4cm. Thì diện tích hình thoi là:

A. 4.

B. 6.

C. 8.

D. 2.

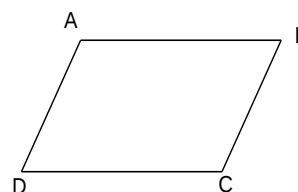
Câu 20: MHH Cho hình bình hành ABCD (H.3). Biết $AB = 3\text{cm}$, $BC = 2\text{cm}$
Chu vi của hình bình hành ABCD là:

A. 6.

B. 10.

C. 12.

D. 5



PHẦN II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 21: Thực hiện phép tính

a) $125 + 70 + 375 + 230$

b) $49.55 + 45.49$

c) $120 : \left\{ 54 - \left[50 : 2 - (3^2 - 2.4) \right] \right\}$

Câu 22: Học sinh lớp 6A xếp thành 4; 5; 8 đều vừa đủ hàng. Hỏi số HS lớp 6A là bao nhiêu? Biết rằng số HS nhỏ hơn 45.

Câu 23: Mảnh vườn hình chữ nhật có chiều rộng bằng 8m và diện tích bằng 120m^2 . Tính chu vi mảnh vườn hình chữ nhật đó?

Câu 24: Tìm tất cả các số tự nhiên n thỏa mãn $5n + 14$ chia hết cho $n + 2$?

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There is no text or other markings on the paper.

Tài liệu toán lớp 6
